

Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành về chăm sóc sức khỏe răng miệng và mối liên quan ở cán bộ chiến sĩ công an tỉnh Nam Định năm 2019-2020

The current situation of knowledge, attitude and practice on health care and relationship among the police officer in Nam Dinh provincial public security department in 2019-2020

Nguyễn Hữu Bản*, Đào Anh Sơn**,
Vũ Mạnh Tuấn**, Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

*PC11-Công an tỉnh Nam Định,
**Trường Đại học Y Hà Nội

Tóm tắt

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành về chăm sóc sức khỏe răng miệng và phân tích mối liên quan ở cán bộ, chiến sĩ công an. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện với 843 cán bộ chiến sĩ của Công an tỉnh Nam Định. Chọn mẫu chủ đích 03 vùng miền địa lý khác nhau của tỉnh Nam Định, chọn ngẫu nhiên mỗi vùng miền 2 đơn vị, trong mỗi đơn vị đã chọn, chọn mẫu toàn bộ cán bộ chiến sĩ công an của mỗi đơn vị. **Kết quả:** Kiến thức về chăm sóc sức khỏe răng miệng chưa tốt, chiếm tỷ lệ 81%. Thái độ về chăm sóc sức khỏe răng miệng chưa tích cực là 53,9%. Thực hành chăm sóc sức khỏe răng miệng chưa tốt chiếm 77,0%. Phân tích mối liên quan chỉ cho thấy kiến thức và thái độ về chăm sóc sức khỏe liên quan chặt chẽ với thực hành răng miệng. **Kết luận:** Kiến thức và thực hành về chăm sóc sức khỏe răng miệng còn khá hạn chế mặc dù có thái độ về chăm sóc sức khỏe răng miệng ở mức trung bình nên cần đưa chương trình giáo dục truyền thông và hướng dẫn vệ sinh răng miệng, biện pháp dự phòng bệnh răng miệng để nâng cao kiến thức, thái độ và khả năng thực hành chăm sóc răng miệng cho các cán bộ chiến sĩ công an.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, thực hành, răng miệng, cán bộ chiến sĩ công an.

Summary

Objective: To describe the current state of knowledge, attitudes and practices on dental care of oral health and analyzing the relationship among police officers and soldiers. **Subject and method:** A cross-sectional descriptive research was performed with 843 officers and soldiers of Nam Dinh Province's Public Security Department. Sampling intentionally 3 different geographical regions of Nam Dinh province, randomly selecting 2 units for each region, in each selected unit, sampling all police officers and soldiers of each unit. **Result:** Knowledge of oral health care was not good, accounting for 81%. The attitude towards oral health care was not yet positive at 53.9%. Poor practice of oral health care accounted for 77.0%. Relationship analysis only showed that healthcare knowledge and attitudes were closely related to oral practice. **Conclusion:** Knowledge and practice of oral health care is still quite limited, although there is an average attitude towards oral health care, it is necessary to include communication programs and oral hygiene guidelines, oral disease prevention methods to improve knowledge, attitudes and ability to practice oral care for police officers and soldiers.

Keywords: Knowledge, attitude, practice, oral health, police officers and soldiers.

Ngày nhận bài: 22/12/2020, ngày chấp nhận đăng: 12/01/2020

Người phản hồi: Nguyễn Hữu Bản, Email: nguyennhuuban2102@gmail.com - PC11 - Công an tỉnh Nam Định

1. Đặt vấn đề

Sức khỏe răng miệng liên quan đến kiến thức và hành vi về chăm sóc sức khỏe răng miệng (CSSKRM), kiến thức là giúp cho sự hiểu biết và có niềm tin về sức khỏe, khi có niềm tin về sức khỏe thì sẽ có thái độ tích cực và thực hành tốt, từ đó tạo ra các hành vi tích cực về CSSKRM, như vậy để có sức khỏe răng miệng tốt thì phải có kiến thức tốt, thái độ tích cực và thực hành tốt về CSSKRM [8], [9]. Một nghiên cứu về kiến thức, thái độ thực hành về chăm sóc răng miệng ở 321 cán bộ chiến sĩ (CBCS) công an tại thành phố Srinagar, Kashmir của Ấn Độ có kiến thức chưa tốt là 42,4%; số CBCS có thái độ chưa tích cực là 19,6%; thực hành chải răng vệ sinh răng miệng chưa tốt là 52,3%, chỉ số vệ sinh răng miệng chưa đạt là 82% và đạt là 18%. Nghiên cứu cho thấy từ kiến thức chưa tốt, thái độ chưa tích cực làm cho việc thực hành chăm răng miệng không tốt và từ đó dẫn đến chỉ số vệ sinh răng kém [6]. Một nghiên cứu trong nước được thực hiện trên 110 chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân năm 2017; có 72,7% kiến thức chưa tốt; 45,5% có thái độ chưa tích cực và 90,9% thực hành chải răng vệ sinh răng miệng chưa tốt, tỷ lệ bệnh răng miệng là 90%. Nghiên cứu cho thấy từ kiến thức chưa tốt, thái độ chưa tích cực làm cho việc thực hành CSSKRM không tốt và nguyên nhân gây nên bệnh răng miệng [1].

Công an nhân dân gồm lực lượng An ninh nhân dân, lực lượng Cảnh sát nhân dân và Công an xã. Trong nghiên cứu này, sử dụng cụm từ "Cán bộ, chiến sĩ", là bao gồm toàn bộ: Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân viên và hợp đồng lao động trong công an nhân dân (gọi tắt là CBCS) [2].

Hiện nay, công tác khám, điều trị và dự phòng bệnh răng miệng còn gặp nhiều khó khăn, bên cạnh đó là sự hiểu biết của người dân về chăm sóc và bảo vệ răng miệng còn hạn chế, đặc biệt là các vấn đề về kiến thức, thái độ và thực hành về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe răng miệng [3], [4], [5]. Đã có nhiều nghiên cứu về kiến thức, thái độ và thực hành chăm sóc và bảo vệ sức khỏe răng miệng trong các nhóm dân số khác nhau tại cộng đồng, tuy nhiên các công trình nghiên cứu về kiến thức, thái độ và thực hành chăm sóc và bảo vệ sức khỏe răng miệng trong lực

lượng công an nhân dân còn khá hạn chế, do đó việc tìm hiểu thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành về CSSKRM là một vấn đề cần thiết và mang tính thực tiễn cao. Nhằm mục tiêu nghiên cứu: *Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành chăm sóc sức khỏe răng miệng ở cán bộ chiến sĩ công an thuộc các đơn vị của Công an tỉnh Nam Định năm 2019-2020. Phân tích liên quan giữa kiến thức, thái độ và thực hành về chăm sóc sức khỏe răng miệng của các CBCS công an trên.*

2. Đối tượng và phương pháp

2.1. Đối tượng

Là những cán bộ chiến sĩ công an của 6 đơn vị của Công an tỉnh Nam Định có danh sách chính thức theo đơn vị, có độ tuổi từ 18 - 60 tuổi, tự nguyện tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn lựa chọn

Tất cả các CBCS cả nam và nữ của 6 đơn vị (có độ tuổi từ 18 - 60) của Công an tỉnh Nam Định có danh sách chính thức theo đơn vị.

Tự nguyện tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ

Là CBCS trong danh sách được chọn nhưng đang bị ốm, không thể tham gia hoặc đang điều trị nội trú các bệnh khác.

Các CBCS đang làm nhiệm vụ ở nơi khác không tham gia khám răng miệng trong thời gian tiến hành khám bệnh nghiên cứu.

Các CBCS thuộc danh sách được chọn nhưng đang đi học tập trung tại các cơ sở đào tạo.

Các chiến sĩ tham gia nghĩa vụ công an nhân dân, không thể bỏ nhiệm vụ để tham gia trong thời gian tiến hành nghiên cứu (trực chiến đấu, biệt phái nhiệm vụ đặc biệt).

2.2. Phương pháp

Thời gian và địa điểm nghiên cứu.

Thời gian thu thập số liệu: Từ tháng 09/2019 đến tháng 06/2020.

Địa điểm: Tại 06 đơn vị của Công an tỉnh Nam Định: Phòng PK02, Công an thành phố Nam Định, Công an huyện Vụ Bản, Công an huyện Ý Yên, Công an huyện Hải Hậu, Công an huyện Giao Thủy.

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu và cách chọn mẫu.

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho ước lượng một tỷ lệ:

$$n = DE * Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

$Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ (với độ tin cậy 95%).

$d=0,05$ sai số mong đợi.

$p=0,455$ (Trong nghiên cứu, chúng tôi tìm hiểu cả kiến thức, thái độ và thực hành nên chúng tôi chọn p là tỷ lệ thái độ chưa tích cực, chiếm 45,5%, là tỷ lệ thấp nhất so với tỷ lệ kiến thức và tỷ lệ thực hành chưa đạt để đạt cỡ mẫu lớn nhất, đại diện cho cả kiến thức, thái độ và thực hành) [1].

Hệ số thiết kế $DE = 2$

Thay vào công thức ta có $n = 762$. Thực tế nghiên cứu trên toàn bộ CBCS tại 6 đơn vị được 843 người.

Cách chọn mẫu:

Chọn mẫu: Chọn chủ đích theo 03 vùng miền: Vùng trung tâm công nghiệp - dịch vụ thành phố Nam Định, vùng đồng bằng thấp trũng và vùng đồng bằng ven biển, tại mỗi vùng miền, chọn ngẫu nhiên 2 đơn vị, trong mỗi đơn vị đã chọn, chọn toàn

bộ cán bộ chiến sĩ công an theo tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đã mô tả ở trên.

Kỹ thuật thu thập thông tin: Thu thập thông tin theo 04 bước: (1) Xây dựng bộ công cụ nghiên cứu, (2) Thử nghiệm và hoàn thiện bộ công cụ nghiên cứu, (3) Tập huấn công cụ nghiên cứu, (4) Tiến hành điều tra và thu thập số liệu qua các phiếu phỏng vấn.

Bộ công cụ xây dựng dựa trên mục tiêu và các biến số nghiên cứu, có tham khảo một số bộ công cụ đã được chuẩn hoá và sử dụng cho nghiên cứu khác. Bộ công cụ được thử nghiệm và đánh giá hệ số Cronbach's alpha trước khi chính thức thu thập.

Người thu thập số liệu gồm 03 bác sĩ, 02 y sĩ và 02 cử nhân điều dưỡng chuyên khoa răng hàm mặt, được tập huấn kỹ trước khi tiến hành thu thập số liệu.

Phân tích và xử lý số liệu

Số liệu được làm sạch và nhập liệu bằng phần mềm Epidata 3.1 và phân tích số liệu bằng phần mềm Stata 14.2.

Kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc răng miệng của cán bộ chiến sĩ công an nhân dân. Cách đánh giá phân mức độ kiến thức, thái độ, thực hành. Mỗi câu trả lời đúng được tính 1 điểm, trả lời sai không tính điểm.

2.3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được Hội đồng đạo đức nghiên cứu trong y sinh học của Trường Đại học Y Hà Nội thông qua, theo quyết định số: NCS31/ĐHYHN-HĐĐĐ của Hội đồng đạo đức, Trường Đại học Y Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019.

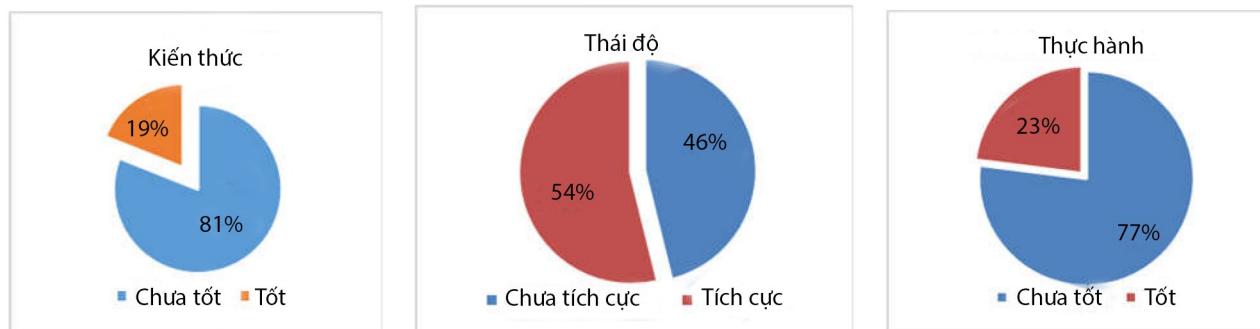
3. Kết quả

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n = 843)

	Nội dung	n	Tỷ lệ %
Theo giới	Nam	759	90,0
	Nữ	84	10,0
Theo tuổi	$\geq 18 \text{ \& } \leq 34$	565	67,0
	$\geq 35 \text{ \& } \leq 44$	247	29,3
	$\geq 45 \text{ \& } \leq 60$	31	3,7
Trình độ học vấn	Trung học phổ thông, trung cấp	65	7,7
	Cao đẳng, đại học	578	88,4
	Sau đại học	33	3,9
	Chính trị, tham mưu, hậu cần	74	8,8

Đơn vị công tác thuộc khối	Khối cảnh sát	688	81,6
	Khối an ninh	81	9,6

Nhận xét: Nghiên cứu có 759 CBCS là nam giới, chiếm 90%. Nội dung đạt tỷ lệ cao ở nhóm tuổi từ 18 đến 30 (chiếm tỷ lệ 67,0%), nhóm trình độ học vấn cao đẳng và đại học (chiếm 68,6%) và nhóm đơn vị công tác đa phần là thuộc khối cảnh sát (chiếm 81,6%).



Hình 1. Phân loại mức độ kiến thức, thái độ và thực hành về CSSKRM của CBCS công an

Nhận xét: Kiến thức về chăm sóc sức khỏe răng miệng tốt là 160 CBCS, chiếm 19%. Thái độ tích cực về chăm sóc sức khỏe răng miệng là 635 CBCS, chiếm 75,3%. Thực hành về chăm sóc sức khỏe răng miệng tốt là 332 CBCS, chiếm 39,4%.

Bảng 2. Kiến thức và thái độ về chăm sóc sức khỏe răng miệng

Nội dung	Trả lời đúng	
	Số lượng	Tỷ lệ %
Khi bị đau răng, thường đi khám bệnh lấy thuốc uống hoặc ra quầy thuốc mua thuốc uống	152	18,03
Chỉ tiếp cận các dịch vụ nha khoa sau khi uống thuốc không đỡ đau răng	210	24,91
Nguyên nhân gây sâu răng là do vi khuẩn lên men đường hay thức ăn tinh bột	571	67,73
Kem chải răng có fluoride có giá trị phòng chống sâu răng	592	70,23
Chải răng sau ăn để bảo vệ sức khỏe răng miệng	828	98,22
Súc miệng với dung dịch có fluoride để bảo vệ sức khỏe răng miệng	167	19,81
Khám răng miệng định kỳ 06 tháng 01 lần để phát hiện và điều trị sớm bệnh răng miệng	461	54,69
Viêm lợi là tình trạng lợi sưng nề đỏ, dễ chảy máu	583	69,16
Mảng bám răng, cao răng là yếu tố bảo vệ sức khỏe răng miệng	609	72,24
Nhận kiến thức về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe răng miệng chỉ qua báo mạng, internet,	393	46,62
Cần thiết phải vệ sinh răng miệng hàng ngày	807	95,73
Việc chăm sóc răng miệng là cần thiết	423	50,18
Việc truyền thông giáo dục sức khỏe răng miệng là cần thiết cho cán bộ chiến sĩ	297	35,23
Cần thiết phải lấy cao răng định kỳ 06 tháng/01 lần	446	52,91
Cần thiết phải chữa các răng sâu	812	96,32
Việc khám sức khỏe răng miệng định kỳ 06 tháng 01 lần là cần thiết	442	52,43
Chải răng sau khi ăn là bảo vệ sức khỏe răng miệng	783	92,88

Súc miệng với dung dịch Fluoride là cần thiết	131	15,54
Chải răng với kem chải răng có Fluoride là cần thiết	468	55,52
Dùng chỉ tơ nha khoa thay cho tăm xỉa răng là cần thiết	271	32,15

Nhận xét: Kiến thức về CSSKRM của các CBCS công an đạt tỷ lệ cao nhất ở nội dung về tình trạng chải răng sau ăn để bảo vệ sức khỏe răng miệng (chiếm 98,22%) và đạt kết quả thấp nhất ở nội dung về tình trạng đau răng, thường đi khám bệnh lấy thuốc uống hoặc ra quầy thuốc mua thuốc uống (chiếm 18,03%). Thái độ về chăm sóc và bảo vệ răng miệng của CBCS công an đạt tỷ lệ cao nhất ở nội dung về tình trạng cần thiết phải chữa các răng sâu (chiếm 96,32%) và đạt kết quả thấp nhất ở nội dung về súc miệng với dung dịch Fluoride là cần thiết (chiếm 15,54%).

Bảng 3. Thực hành cụ thể về chăm sóc sức khỏe răng miệng

Nội dung	Trả lời đúng	
	Số lượng	Tỷ lệ %
Có súc miệng với dung dịch fluoride	64	7,59
Có chải răng hàng ngày	835	99,05
Có chải răng với kem chải răng có fluoride	694	82,33
Có dùng chỉ tơ nha khoa thường xuyên	101	11,98
Có chải răng sau khi ăn	799	94,78
Chải răng 03 lần ngày	341	40,45
Thời gian mỗi lần chải răng $\geq$ 03 phút	629	74,61
Thời gian thay bàn chải răng dưới 03 tháng	476	56,47
Đồng chí có dùng tăm xỉa răng	513	60,85
Đồng chí chải răng đúng cách	220	26,1

Nhận xét: Trong nghiên cứu, kết quả thực hành đạt kết quả cao nhất ở nội dung có chải răng hàng ngày (chiếm 99,05%) và đạt kết quả thấp nhất ở nội dung có dùng chỉ tơ nha khoa thường xuyên (chiếm 11,98%).

Bảng 4. Mối liên quan giữa kiến thức, thái độ và thực hành CSRM của các CBCS công an

Các yếu tố	Thực hành		OR (95%CI)	p	aOR (95%CI)	p
	Chưa tốt n (%)	Tốt n (%)				
Kiến thức						
Chưa tốt	570 (87,96%)	112 (57,44%)	1	<0,001	1	<0,001
Tốt	78 (12,04%)	83 (42,56%)	5,41 (3,66 - 8,00)		3,90 (2,62 - 5,82)	
Thái độ						
Chưa tích cực	340 (52,47%)	48 (24,62%)	1	<0,001	1	<0,001
Tích cực	308 (47,53%)	147 (75,38%)	3,38 (2,33 - 4,89)		2,13(1,43 - 3,16)	

Nhận xét: Nghiên cứu cho thấy kiến thức và thái độ CSSKRM có mối liên quan chặt chẽ với thực hành CSSKRM. Kiến thức chưa tốt và thái độ chưa tích cực làm tăng nguy cơ thực hành chưa tốt.

4. Bàn luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra có 843 CBCS tham gia nghiên cứu, trong đó có gồm 759 nam, chiếm 90%. độ tuổi chủ yếu là từ 18 đến 30 tuổi có 565 CBCS (chiếm 67%). Trình độ học vấn, chủ yếu là cao đẳng và đại học 578 (chiếm 88,4%). CBCS thuộc khối cảnh sát 688 (chiếm 81,6%). Tỷ lệ này có phần tương đồng với nghiên cứu với 172 cán bộ chiến sĩ công an tham gia nghiên cứu tại Virajpet, thuộc miền Nam của Ấn Độ, thì có 154 nam, chiếm 89,5% và 18 nữ, chiếm 10,5% [4]. Một nghiên cứu khác được thực hiện với 925 cán bộ chiến sĩ công an của Peru, thì có 797 nam, chiếm 86,2% và 128 nữ, chiếm 13,8% [7]. Trong nghiên cứu, tình trạng CBCS có kiến thức tốt là 19%, kiến thức chưa tốt là 81%; có thái độ tích cực là 46,1% và thái độ chưa tích cực là 53,9%, có thực hành tốt là 23,0% và thực hành chưa tốt là 77,0%. Kết quả này cũng tương đồng, số CBCS có kiến thức tốt là 57,6% và kiến thức chưa tốt là 42,4%, số CBCS có thái độ tích cực là 80,4% và thái độ chưa tích cực là 19,6%, thực hành chải răng vệ sinh răng miệng chưa tốt là 52, 3% và thực hành chải răng vệ sinh răng miệng tốt là 47,7% [6]. Nghiên cứu này có kết quả có tỷ lệ thấp hơn nghiên cứu được thực hiện trên 110 chiến sĩ nghĩa vụ, phục vụ có thời hạn trong công an nhân dân năm 2017, có 27,3% có kiến thức tốt về chải răng và 72,7% kiến thức chưa tốt, 54,5% có thái độ tích cực chải răng sau ăn, 45,5% có thái độ chưa tích cực, 9,1% là có thực hành đúng về chải răng và 90,9% thực hành chưa đúng về chải răng. Kết quả có tỷ lệ khác nhau này là do sự khác nhau về đối tượng nghiên cứu và cỡ mẫu nghiên cứu [1]. Nghiên cứu cho thấy kiến thức, thái độ và thực hành CSSKRM có mối liên quan chặt chẽ với nhau, kiến thức chưa tốt và thái độ chưa tích cực làm tăng nguy cơ thực hành chưa tốt. Kết quả nghiên cứu này tương đồng với nghiên cứu trên thế giới về mối liên quan giữa kiến thức, thái độ và thực hành về chăm sóc sức khỏe răng miệng [6], [9].

5. Kết luận

Nghiên cứu mô tả cắt ngang 843 cán bộ chiến sĩ công an của Công an tỉnh Nam Định cho thấy thực trạng về kiến thức, thái độ và thực hành về chăm sóc sức khỏe răng còn hạn chế, kiến thức chưa tốt chiếm

tỷ lệ 81%, thái độ chưa tích cực là 53,9% và thực hành chưa tốt chiếm 77,0%. Mối liên quan chặt chẽ giữa kiến thức, thái độ và thực hành chăm sóc sức khỏe răng miệng, kiến thức chưa tốt, thái độ chưa tích cực làm tăng nguy cơ thực hành chăm sóc sức khỏe răng miệng chưa tốt. Kết quả nghiên cứu cho thấy cần đưa chương trình giáo dục truyền thông và hướng dẫn vệ sinh răng miệng, biện pháp dự phòng bệnh răng miệng để nâng cao kiến thức, thái độ và khả năng thực hành về chăm sóc răng miệng cho các cán bộ chiến sĩ công an.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Bản (2017) *Thực trạng bệnh răng miệng và các yếu tố liên quan đến bệnh răng miệng của chiến sỹ phục vụ có thời hạn trong công an nhân dân tại Công an tỉnh Nam Định năm 2015 – 2016*. Học Việt Nam, 452, tr. 129-134.
2. Quốc hội (2018) Luật Công an nhân dân 2018, số 37/2018/QH14, Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018.
3. Đinh Viết Thắng, Nguyễn Khang, Nguyễn Phương Liên (2019) *Đánh giá thực trạng bệnh sâu răng và giải pháp nâng cao kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc răng miệng của nhóm sinh viên Học viện Quân y*. Tạp chí - Dược học Quân sự, 17, tr. 16-21.
4. Abhishek KN, Shamarao S, Jain J et al (2014) *Impact of caries prevalence on oral health-related quality of life among police personnel in Virajpet, South India*. J Int Soc Prev Community Dent 4(3): 188-192.
5. Bhardwaj V, Sharma K, Jhingta P et al (2012) *Assessment of oral health status and treatment needs of police personnel in Shimla city, Himachal Pradesh: A cross-sectional study*. Int J Health Allied Sci 1(1): 20-24.
6. Bumb SS, Bhasker DJ, Agali CR et al (2014) *Comparison of oral health knowledge, attitudes, practices and oral hygiene status of Central Reserve Police Force officials in Srinagar, Kashmir*. El Mednifico J 2(1): 10.
7. Moreno-Quispe LA, Espinoza-Espinoza LA, Bedon-Pajuelo LS et al (2018) *Dental caries in the*

peruvian police population. J Clin Exp Dent 10(2): 134-138.

8. Peres MA, Macpherson LMD, Weyant RJ et al (2019) *Oral diseases: A global public health challenge*. The Lancet 394(10194): 249–260.
9. Reddy V, Bennadi D, Gaduputi S et al (2014) *Oral health related knowledge, attitude, and practice among the pre-university students of Mysore city*. J Int Soc Prev Community Dent 4(3): 154.